TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 382/ 2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc ấn định thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 01 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ (nay thuộc xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Vũ Thanh Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số B, ấp V, xã G, huyện T (nay thuộc xã G), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Hoàng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Vũ Thanh Q tự nguyện quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau được khoảng gần một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện D (nay thuộc xã H), tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2006.

Theo chị H, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng chỉ sau một năm thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do anh Q không chăm lo cho vợ con, tiền công làm được bao nhiêu anh Q đều sử dụng để tiêu xài cá nhân hết không phụ giúp cho chị H chăm lo cho con cái; thậm chí anh Q còn ra ngoài gây nợ và chị H phải trả nợ thay. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên anh Q thay đổi nhưng không có kết quả, mỗi lần vợ chồng nói chuyện với nhau lại xảy ra mâu thuẫn, có khi anh Q đánh chị H nhưng không để lại thương tích nhưng làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau mỗi lần mâu thuẫn xảy ra anh Q lại bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai sinh sống. Trong suốt thời gian hôn nhân anh Q đã bỏ nhà đi trên dưới khoảng 10 lần, mỗi lần thời gian từ một vài tuần cho đến hai, ba năm. Từ sau khi chị H sinh con thứ ba (khoảng tháng 12/2018) thì anh Q đã không còn sống chung với mẹ con chị H tại thôn P, xã Đ, huyện Đ (nay thuộc xã Đ), tỉnh Lâm Đồng mà chuyển về sinh sống với cha mẹ đẻ của anh Q tại số B, ấp V, xã G, huyện T (nay thuộc xã G), tỉnh Đồng Nai. Cũng kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống, anh Q cũng không liên hệ hỏi thăm con cái. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thanh Q.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có ba con chung là cháu Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 06/01/2007; cháu Vũ Thanh B, sinh ngày 24/9/2008 và cháu Vũ Hoàng Gia L, sinh ngày 27/8/2019, hiện các con đều đang sống với chị H.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu L, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Vũ Hoàng Thảo N đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Vũ Thanh Q vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị H và anh Vũ Thanh Q được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Thanh B, sinh ngày 24/9/2008 và cháu Vũ Hoàng Gia L, sinh ngày 27/8/2019 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Riêng Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 06/01/2007 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai (BL 39) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị H và anh Vũ Thanh Q tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện D (nay thuộc xã H), tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2006 (BL 07), căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị H và anh Q đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị H và anh Q không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa các bên, lời khai của chị H mặc dù không được anh

Q thừa nhận nhưng phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng ngày 30/5/2025: *"... Chị H và anh Q quen biết nhau một thời gian khá dài rồi tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ... vợ chồng chung sống với nhau một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn (khoảng 05 năm nay) nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được nơi ở, anh Q mong muốn chị H về lại nhà nội sinh sống tuy nhiên chị H không đồng ý, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Thêm vào đó, do vợ chồng có mâu thuẫn sinh ra anh Q chán nản nên có ăn chơi, tuy nhiên anh Q vẫn chăm chỉ làm ăn. Khoảng 05 năm nay anh Q về sống tại nhà tôi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc hòa giải mâu thuẫn, chị H không về thăm nhà tôi, thậm chí còn cấm cản các con về thăm ông bà. Đến nay chị H cũng không liên lạc gì với gia đình tôi. Anh Q cũng không còn muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Thời gian đầu anh Q vẫn mong muốn vợ chồng hòa giải để cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên do chị H không có thiện chí nên anh Q cũng không quan tâm hàn gắn, bỏ mặc mâu thuẫn xảy ra…."* (BL 37). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh Q đều không đến thể hiện việc anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh Q chung sống có ba con chung là cháu Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 06/01/2007; cháu Vũ Thanh B, sinh ngày 24/9/2008 và cháu Vũ Hoàng Gia L, sinh ngày 27/8/2019.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chị H, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị H xác định đảm bảo điều kiện chăm sóc cho các con, đồng thời tạo điều kiện sinh sống, học tập ổn định cho các cháu. Căn cứ vào biên bản lấy ý kiến của con chung xác định: *"Nay cháu xin được trình bày nguyện vọng là được tiếp tục sống chung với mẹ Hoàng Thị H khi ba mẹ cháu không còn chung sống với nhau nữa ..."*. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu Vũ Thanh B và cháu Vũ Hoàng Gia L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Riêng cháu Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 06/01/2007 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị H hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Q vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương

sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Hoàng Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị H và anh Vũ Thanh Q được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Vũ Thanh B, sinh ngày 24/9/2008 và cháu Vũ Hoàng Gia L, sinh ngày 27/8/2019 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Riêng Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 06/01/2007 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

2.2 Anh Vũ Thanh Q được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh Vũ Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên

lai thu số 0008739 ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4), tỉnh Đồng Nai. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã H, huyện D
(nay là xã H), tỉnh Lâm Đồng;
(GCNKH số 28/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang